

Số: 34 /2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tờ trình số 4347/TTr-BNN-KTHT ngày 29 tháng 12 năm 2009),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2010.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). N 290

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY ĐỊNH
Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
các dự án thủy lợi, thủy điện
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

1. Phạm vi

a) Quy định này áp dụng cho việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện, trừ các dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

b) Ngoài những nội dung tại Quy định này, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 197/2004/NĐ-CP); Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2006 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 84/2007/NĐ-CP); Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP) và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất (tại vùng lòng hồ, vị trí xây dựng đập, các công trình đầu mối, công trình phụ trợ và nơi xây dựng khu, điểm tái định cư), bị thiệt hại tài sản gắn liền với đất bị thu hồi (gọi chung là người bị thu hồi đất) để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện.

Điều 2. Giải thích một số từ ngữ

1. Vùng dự án thủy lợi, thủy điện là vùng ngập lòng hồ, vị trí xây dựng đập, công trình đầu mối, công trình phụ trợ và nơi xây dựng khu tái định cư.

2. Hộ tái định cư là hộ dân (bao gồm hộ một người hoặc hộ có từ hai người trở lên) và tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam ở trong vùng dự án thủy lợi, thủy điện bị ảnh hưởng trực tiếp phải di chuyển đến nơi ở mới.

3. Hộ tái định cư tập trung là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở một nơi mới, tạo thành điểm dân cư mới.

4. Hộ tái định cư xen ghép là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở xen ghép với hộ dân sở tại trong một điểm dân cư.

5. Hộ tái định cư tự nguyện là hộ tái định cư tự di chuyển đến nơi ở mới cùng với hộ dân sở tại trong một điểm dân cư.

6. Điểm tái định cư là điểm dân cư được xây dựng theo quy hoạch để bố trí dân tái định cư.

7. Khu tái định cư là nơi được quy hoạch để bố trí từ hai điểm tái định cư trở lên.

Điều 3. Nguyên tắc chung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Đảm bảo người dân tái định cư có chỗ ở, cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng; cuộc sống vật chất và văn hoá tinh thần ngày càng tốt hơn nơi ở cũ, ổn định lâu dài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng chung của địa phương.

2. Đảm bảo hài hoà lợi ích giữa người dân tái định cư với người dân sở tại; quá trình thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng và hiệu quả.

Chương II BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ ĐẤT

Điều 4. Nguyên tắc bồi thường

1. Người sử dụng đất khi bị thu hồi để thực hiện dự án thủy lợi, thủy điện được bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 14, Điều 16 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

2. Xử lý chênh lệch giá trị đất nơi đi và nơi đến

a) Giá trị đất ở, đất sản xuất được giao thấp hơn giá trị đất ở, đất sản xuất bị thu hồi thì hộ tái định cư được nhận phần giá trị chênh lệch;

b) Giá trị đất ở, đất sản xuất được giao cao hơn giá trị đất ở, đất sản xuất bị thu hồi thì hộ tái định cư không phải nộp thêm phần giá trị chênh lệch.

3. Các trường hợp khác

a) Đối với đất bán ngập: đất bán ngập trong lòng hồ hình thành sau khi tạo thành hồ chứa thuộc quỹ đất chung giao cho cấp xã quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Trường hợp hộ tái định cư có đất sản xuất ở vị trí trên cốt ngập lòng hồ, chuyển đến điểm tái định cư xa nơi sản xuất cũ thì đất sản xuất tại nơi cũ bị thu hồi và được bồi thường theo khoản 1 Điều này.

Diện tích đất sản xuất bị thu hồi giao chính quyền địa phương quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành;

c) Trường hợp đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Nhà nước giao cho các tổ chức quản lý mà các tổ chức giao khoán lại cho các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân khoan nuôi tái sinh rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng hoặc trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hợp đồng khoán, khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân không được bồi thường về đất, nhưng được bồi thường về cây trồng trên đất. Mức bồi thường tương đương với mức phân chia sản phẩm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 80/2003/TTLT/BNN-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ Về quyền lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế để quy định cụ thể.

Điều 5. Diện tích đất tính bồi thường

1. Trường hợp người có đất bị thu hồi có giấy tờ hợp pháp xác định được diện tích sử dụng, đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất thì được tính bồi thường theo diện tích đất bị thu hồi.

2. Trường hợp người có đất bị thu hồi có đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất nhưng trong giấy tờ đó không xác định rõ diện tích đất sử dụng, thì diện tích đất để tính bồi thường được căn cứ vào biên bản xác nhận có chữ ký của chính quyền xã, Chủ tịch Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng và chủ sử dụng đất.

Diện tích đất để tính bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ vào quy hoạch và hạn mức giao đất của địa phương.

Chương III

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN

Điều 6. Bồi thường nhà ở, công trình xây dựng trên đất kèm theo nhà ở

1. Hộ tái định cư thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 1 của Quy định này được bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

2. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng (trừ rừng đặc dụng) có xây dựng lán trại trên đất nhận khoán được bên giao khoán đồng ý bằng văn bản và có đăng ký với Ủy ban nhân dân xã sở tại thì được bồi thường. Diện tích bồi thường không quá 200 m² sàn.

Điều 7. Bồi thường thiệt hại các công trình công cộng

1. Công trình công cộng được xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước bị thiệt hại nhưng không có nhu cầu xây dựng lại tại nơi mới theo quy hoạch thì không được bồi thường; trường hợp khi xây dựng công trình công cộng có sự tham gia bằng ngày công, vật tư và tiền của nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức bồi thường cụ thể.

2. Công trình công cộng được xây dựng bằng vốn của tập thể hay do dân đóng góp thì được bồi thường thiệt hại. Mức bồi thường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

3. Những địa phương không phải di chuyển hoặc phải di chuyển một phần, bị thiệt hại một phần hoặc toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thì được Chủ đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới cơ sở hạ tầng, theo quy hoạch bảo đảm phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi

1. Mức bồi thường đối với cây hàng năm thực hiện theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.

2. Bồi thường thiệt hại đối với cây lâu năm:

a) Đối với cây trồng chưa thu hoạch có thể di chuyển đến điểm tái định cư thì được bồi thường chi phí di chuyển, chi phí trồng lại. Mức bồi thường tối đa không vượt quá chi phí đầu tư trồng mới vườn cây;

b) Đối với các loại cây lâu năm nhưng có thời gian kiến thiết cơ bản vườn cây và cho thu hoạch hàng năm trong nhiều năm sau (thời kỳ sản xuất kinh doanh) thì được bồi thường như sau:

- Vườn cây đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản: bồi thường chi phí đầu tư xây dựng cơ bản vườn cây theo giá trị đầu tư thực tế (bao gồm chi phí trồng và chăm sóc) tính đến thời điểm bồi thường;

- Vườn cây đang trong thời kỳ sản xuất kinh doanh: bồi thường thu nhập từ vườn cây tính bằng thu nhập trung bình ba năm gần nhất của vườn cây (kỳ sản xuất kinh doanh) nhân với số năm thời kỳ sản xuất kinh doanh (còn lại) của vườn cây.

Sau khi nhận bồi thường hộ tiếp tục được thu hoạch sản phẩm cho đến khi dự án chính thức thu hồi đất để sử dụng.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường cụ thể nêu tại khoản 2 Điều này.

3. Bồi thường thiệt hại rừng trồng

a) Hộ được giao đất và tự bỏ vốn trồng rừng: mức bồi thường thiệt hại rừng trồng được tính bằng diện tích trồng nhân với (x) đơn giá trồng, cộng với (+) chi phí đầu tư chăm sóc, bảo vệ rừng từ khi trồng đến thời điểm phương án bồi thường được duyệt;

b) Hộ trồng và chăm sóc rừng cho tổ chức theo hợp đồng thì bồi thường theo điểm c khoản 3 Điều 4 của Quy định này;

c) Đối với rừng sản xuất kinh doanh đến thời kỳ thu hoạch thì chủ rừng khai thác, không phải bồi thường.

4. Vật nuôi (trên đất có mặt nước) được bồi thường theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.

Chương IV CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 9. Hỗ trợ xây dựng nhà ở

Hộ tái định cư tập trung, hộ tái định cư xen ghép, hộ sở tại bị thu hồi đất ở để xây dựng khu tái định cư, ngoài số tiền nhận bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi cũ theo quy định tại Điều 6 của Quy định này, còn được hỗ trợ tiền để làm nhà ở. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu hợp pháp tương đương chi phí xây dựng 5 m² sàn. Kết cấu nhà ở để tính mức hỗ trợ là nhà cấp IV (theo tiêu chí của Bộ Xây dựng).

Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Điều 10. Hỗ trợ ổn định đời sống

1. Hỗ trợ lương thực

a) Mỗi nhân khẩu hợp pháp thuộc hộ bị thu hồi toàn bộ đất ở, đất sản xuất phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ lương thực trong thời gian 48 tháng.

b) Hộ bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng hợp pháp (được giao hoặc giao khoán) được hỗ trợ lương thực trong thời gian 24 tháng; hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp (được giao hoặc giao khoán) được hỗ trợ lương thực trong thời gian 36 tháng.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a và b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/khẩu/tháng. Giá gạo tính theo giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

2. Hỗ trợ về y tế

Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ y tế 1 lần để phòng chống dịch bệnh tại nơi ở mới. Mức hỗ trợ là 30.000 đồng/khẩu/. Trường hợp có biến động về giá thuốc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về mức hỗ trợ.

3. Hỗ trợ về giáo dục

Mỗi học sinh phổ thông các cấp thuộc hộ tái định cư được hỗ trợ bằng tiền tương đương 1 bộ sách giáo khoa; không thu tiền học phí trong năm học đầu tiên tại nơi ở mới và được miễn các khoản đóng góp xây dựng trường trong 3 năm học liên tục tính từ khi bắt đầu học tập tại nơi ở mới.

4. Hỗ trợ thắp sáng

Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ thắp sáng trong một năm đầu (kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới). Mức hỗ trợ tương đương 1,5 lít dầu hoả/khẩu/tháng.

5. Hỗ trợ chất đốt

Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ chất đốt trong một năm đầu (kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới). Mức hỗ trợ tương đương 3 lít dầu hoả/khẩu/tháng.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể nêu tại Điều này.

Điều 11. Hỗ trợ sản xuất

1. Hỗ trợ trồng trọt:

a) Đối với cây hàng năm được hỗ trợ 100% kinh phí để mua giống mới, phân bón vô cơ, thuốc trừ sâu trong 2 vụ. Mức hỗ trợ tính theo diện tích đất sản xuất được giao và loại cây trồng theo quy hoạch;

b) Đối với cây lâu năm, cây công nghiệp được hỗ trợ 20 - 50% chi phí đầu tư, bao gồm: giống, công trồng, công chăm sóc, phân bón vô cơ, thuốc trừ sâu. Mức hỗ trợ không quá 1ha/hộ và theo quy trình kỹ thuật của từng loại cây trồng theo quy hoạch.

2. Hỗ trợ chăn nuôi: hộ tái định cư được hỗ trợ tiền 1 lần mua 2 con lợn giống thịt bình thường, trọng lượng 10 kg/con và 1 con bê nuôi lấy thịt giống địa phương 10 tháng tuổi;

3. Hỗ trợ trồng rừng sản xuất: ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về "Một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015", hộ tái định cư còn được hỗ trợ 50% suất đầu tư trồng rừng (tính cho 1 chu kỳ sản xuất cây keo lai từ 5 đến 7 năm). Mức hỗ trợ không quá 2 ha/hộ;

4. Hộ tái định cư được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ xây dựng mô hình trồng các loại cây, con theo phương án sản xuất được duyệt. Mức hỗ trợ thực hiện theo Thông tư số 102/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể nêu tại Điều này.

Điều 12. Hỗ trợ khác

1. Hộ tái định cư được hỗ trợ tham quan điểm tái định cư, gồm: chi phí thuê phương tiện, ăn, ở trong thời gian tham quan.

2. Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới: mức hỗ trợ 300.000 đồng/hộ (hỗ trợ 1 lần).

3. Khuyến khích di chuyển vượt tiến độ: hộ di chuyển theo đúng kế hoạch, tiến độ thông báo của Hội đồng bồi thường được thưởng bằng tiền một lần với mức không quá 5.000.000 đồng/hộ.

4. Hỗ trợ gia đình chính sách: hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ và các quy định có liên quan được hỗ trợ một lần với mức 2.000.000 đồng/người hưởng trợ cấp.

5. Đối với đồng bào các dân tộc không có tập quán di chuyển mồ mà được hỗ trợ một lần kinh phí làm lễ tâm linh theo truyền thống. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Chương V **TÁI ĐỊNH CƯ**

Điều 13. Quy hoạch tái định cư

1. Dự án bồi thường di dân, tái định cư thực hiện tại 2 huyện trở lên hoặc có quy mô số hộ tái định cư từ 300 hộ trở lên (gồm cả nơi đi và nơi đến) phải lập quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư trước khi lập quy hoạch chi tiết.

2. Dự án bồi thường di dân, tái định cư thực hiện tại 1 huyện hoặc có quy mô số hộ tái định cư dưới 300 hộ chỉ lập quy hoạch chi tiết điểm tái định cư.

3. Quy hoạch tổng thể và chi tiết di dân, tái định cư phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội, Quy hoạch ngành của từng vùng, từng địa phương;

b) Đảm bảo đủ đất sản xuất cho hộ tái định cư có thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp với diện tích đất sản xuất tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 và điểm b, c Điều 3 Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Có đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt và đảm bảo vệ sinh môi trường khu, điểm tái định cư;

d) Quy hoạch, xây dựng các điểm dân cư phù hợp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về “Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới” và phong tục, tập quán của từng dân tộc.

Điều 14. Lập và thực hiện dự án tái định cư

1. Căn cứ quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết di dân, tái định cư và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư dự án di dân tái định cư có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện các dự án tái định cư.

2. Việc lập dự án đầu tư xây dựng khu, điểm tái định cư thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định có liên quan.

3. Việc bố trí hộ đến sinh sống tại điểm tái định cư được thực hiện sau khi đầu tư xây dựng đủ các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, bảo đảm đủ đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho hộ tái định cư.

Điều 15. Giao đất cho hộ tái định cư

1. Đất ở

a) Hộ tái định cư đến điểm tái định cư tập trung nông thôn được giao đất để làm nhà ở phù hợp với điều kiện tập quán tại địa phương. Mức giao đất ở cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Hộ tái định cư đến điểm tái định cư đô thị được giao 01 lô đất ở tại điểm tái định cư; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức diện tích đất ở giao cho hộ tái định cư. Trường hợp điểm tái định cư đô thị có quy hoạch xây dựng nhà chung cư thì hộ tái định cư được bố trí nhà ở chung cư.

2. Đất sản xuất

a) Hộ tái định cư được giao đất sản xuất, mức diện tích đất giao tùy theo quỹ đất của từng điểm tái định cư nhưng tối thiểu phải đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 của Quy định này.

b) Đối với điểm tái định cư có khả năng về quỹ đất sản xuất cần được khai hoang để có thêm diện tích giao cho hộ tái định cư, chủ đầu tư dự án di dân tái định cư giao cho hộ tái định cư tự khai hoang, phục hoá đất sản xuất theo dự án được duyệt.

3. Hộ tái định cư được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí đo đạc lập hồ sơ địa chính phục vụ bồi thường, thu hồi đất, giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ tái định cư thực hiện theo Quy định hiện hành của Pháp luật về đất đai. Kinh phí chi cho các công việc nêu trên được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 16. Xây dựng khu, điểm tái định cư nông thôn

1. Hộ dân nhận tiền bồi thường thiệt hại về nhà ở và công trình trên đất tự tháo dỡ, lắp đặt, xây dựng trong lô đất được giao theo quy hoạch chi tiết tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với hộ dân không nhận tiền bồi thường mà yêu cầu chủ đầu tư xây dựng nhà ở thì chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng nhà, công trình theo một số mẫu nhà được duyệt trong dự án tái định cư; mẫu nhà trước khi phê duyệt phải lấy ý kiến tham gia của hộ tái định cư.

2. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng tại khu, điểm tái định cư thực hiện theo tiêu chuẩn xây dựng của các Bộ, ngành về xây dựng nông thôn mới.

Điều 17. Xây dựng điểm tái định cư đô thị

Việc xây dựng nhà ở hộ tái định cư, cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khu tái định cư tập trung tại đô thị, trụ sở làm việc của các tổ chức thực hiện theo quy hoạch chung đô thị và quy hoạch chi tiết điểm tái định cư đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 18. Quản lý và bàn giao khu, điểm tái định cư

Toàn bộ các công trình cơ sở hạ tầng, công cộng sau khi xây dựng tại khu, điểm tái định cư được bàn giao cho tổ chức và địa phương tự quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ đầu tư dự án bồi thường di dân, tái định cư thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện tại địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy mô từng dự án cụ thể để trực tiếp làm chủ đầu tư dự án hoặc phân cấp cho Sở chuyên ngành, cấp huyện làm chủ đầu tư dự án.

2. Căn cứ vào nội dung của Quy định này và điều kiện của địa phương để quy định cụ thể các nội dung thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, xây dựng khu tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo đúng Quy định này.

4. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch di dân, tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh.

5. Chỉ đạo các ngành, các cấp chính quyền thuộc tỉnh thực hiện các nhiệm vụ nêu tại các Điều 43, 44 và 45 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.

6. Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chính sách tại Quy định này nhằm bảo đảm tiến độ dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện.

7. Chỉ đạo và thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án hiện có trên địa bàn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở các khu, điểm tái định cư.

8. Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư dự án thủy lợi, thủy điện trong việc tổ chức thực hiện bồi thường, di dân, tái định cư.

Điều 20. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Là cơ quan chủ trì quản lý Nhà nước về công tác di dân, tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện trên phạm vi cả nước; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết về di dân, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm vùng tái định cư;

b) Tổng hợp nội dung các kiến nghị của các Bộ, ngành và địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này; nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung nội dung quy định cho phù hợp với điều kiện thực tế và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại các địa phương.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các dự án di dân, tái định cư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư trong quá trình thực hiện dự án di dân, tái định cư tại các địa phương.

3. Bộ Tài chính:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các dự án di dân tái định cư có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm;

b) Hướng dẫn việc chuyển nguồn vốn bồi thường, di dân, tái định cư do chủ đầu tư dự án thủy lợi, thủy điện quản lý sang chủ đầu tư dự án bồi thường, di dân, tái định cư quản lý, sử dụng;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn di dân tái định cư, bảo đảm việc cấp phát, thanh quyết toán các nguồn vốn theo quy định hiện hành.

4. Bộ Công thương: hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với sản xuất và chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp ở vùng tái định cư.

5. Bộ Xây dựng: hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch xây dựng các điểm tái định cư nông thôn, tái định cư đô thị, quy hoạch xây dựng nhà ở, xây dựng nông thôn mới; về tiêu chuẩn, định mức, dự toán xây dựng các công trình trong khu, điểm tái định cư.

6. Ủy ban Dân tộc phối hợp với các Bộ, ngành các địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và Nhà nước; kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc tại vùng tái định cư.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường: hướng dẫn, kiểm tra việc lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ tái định cư phù hợp với đặc điểm, điều kiện ở vùng tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện.

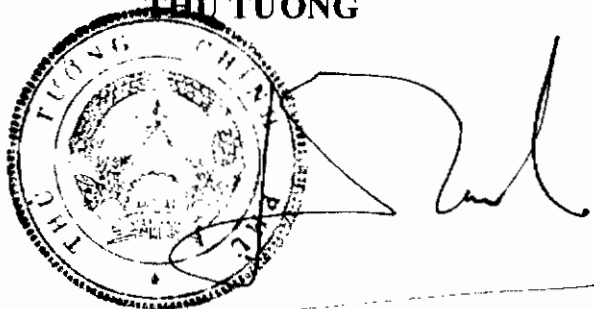
8. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người bị thu hồi đất nông nghiệp chuyển đổi nghề nghiệp.

9. Chủ đầu tư các công trình thủy lợi, thủy điện: phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có công trình để tổ chức thực hiện có hiệu quả dự án; bảo đảm kinh phí đầy đủ, kịp thời cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án tại các địa phương.

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bồi thường di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này và quy định hiện hành có liên quan; tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư./.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng